

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Thẩm phán: Ông Trịnh Văn Toàn và bà Nguyễn Thị Hạnh Vân

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Ngọc Châu - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2024/TLPT-HS ngày 19 tháng 02 năm 2024, do có kháng cáo của bị cáo Mai Văn H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2024/HS-ST ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo

Họ và tên: **Mai Văn H**; sinh năm: 1972, tại: Thành phố Hà Nội; nơi thường trú: Thôn TC, xã K, huyện T, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Mai Văn Y, sinh năm 1943; con bà: Nguyễn Thị D, sinh năm: 1945; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm: 1975 và có 02 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 2002; tiền sự, tiền án: Không

Nhân thân: Ngày 15/9/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tuyên phạt 04 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (tại Bản án 256/2020/HSST). Bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 05/3/2024.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/3/2024 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2018, Mai Văn H chuyển đến thành phố B sinh sống và có mối quan hệ quen biết với anh Nguyễn Thanh L, trú tại: Ngõ 111 GB, phường G, quận HM, thành phố Hà Nội. Tháng 9/2018, anh L nói cho H biết việc con trai vợ chồng bà Trần Thị T1 và ông Trần H1 là anh Trần Văn N, trú tại: Tổ dân phố T, phường K,

thành phố B, bị Công an thành phố B, bắt quả tang và bị khởi tố bị can, áp dụng biện pháp tạm giam, về tội buôn bán hàng cấm nên nhờ H giúp đỡ để được tại ngoại và hưởng án treo, thì H đồng ý. Sau đó, H hẹn gặp ông H1 tại quán cà phê (chưa rõ địa điểm) thuộc khu vực gần Bến xe N, phường K, thành phố B, để trao đổi. Tại đây, H đã nói dối với ông H1 là có quen biết ông B – Trưởng Công an thành phố B, hứa sẽ lo án treo cho anh N và trong vòng 01 tháng anh N sẽ được tại ngoại, với số tiền 200.000.000 đồng, làm cho ông H1 tin tưởng là thật nên đồng ý, rồi sau đó vợ chồng ông H1, bà T1 đã đưa cho H số tiền 200.000.000 đồng. Sau khi nhận số tiền 200.000.000 đồng của vợ chồng ông H1, bà T1, H đưa cho Dương Ngọc B, trú tại: đường 30 tháng 4, tổ X, khu phố Y, phường V, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, để nhờ B và Trần Văn D, trú tại: Thôn PV, xã PN, huyện CM, thành phố Hà Nội lo tại ngoại và án treo cho anh N (theo lời khai của bị cáo H). Sau đó, ông B gọi điện thoại cho H và yêu cầu đưa thêm số tiền 200.000.000 đồng để lo án treo và tại ngoại cho anh N, thì H đồng ý. Để lừa đảo chiếm đoạt thêm tiền của vợ chồng ông H1, bà T1, H nói dối với ông H1 là ông B – Trưởng Công an thành phố B đã chuyển công tác, giờ có Trần Văn D là bạn H ở ngoài bộ đang chuẩn bị thay ông Đinh La T (Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải) sẽ đứng ra lo tại ngoại, án treo cho anh N và yêu cầu đưa thêm số tiền 200.000.000 đồng nên vợ chồng ông H1, bà T1, tưởng là thật và đưa thêm cho H số tiền 200.000.000 đồng. Sau khi nhận số tiền 200.000.000 đồng vợ chồng ông H1, bà T1, H đã nhờ Nguyễn Thụy Thiên S (là người yêu H) chuyển vào tài khoản ngân hàng cho Trần Văn D số tiền 150.000.000 đồng, còn lại 50.000.000 đồng H sử dụng tiêu xài cá nhân hết (theo lời khai của bị cáo H). Tháng 12/2018, H tiếp tục nói dối là cần thêm tiền để tiếp khách chạy án và yêu cầu ông H1, bà T1 đưa thêm cho H lần lượt số tiền 20.000.000 đồng và 10.000.000 đồng thì vợ chồng ông H1, bà T1 tưởng là thật và đồng ý đưa cho H số tiền 20.000.000 đồng và 10.000.000 đồng. Hết thời gian như đã thỏa thuận vẫn chưa thấy H lo tại ngoại và án treo cho anh N nên ông H1, bà T1 liên hệ H để hỏi thì H biện ra nhiều lý do như công việc đang gặp trục trặc (bên đội Cảnh sát kinh tế Công an thành phố B có công văn yêu cầu Viện kiểm sát, Tòa án xử nghiêm và Viện kiểm sát đang có đơn gửi qua Tòa án yêu cầu xử nghiêm vụ này) nên chưa xin được và khẳng định N sẽ được Tòa tuyên án treo. Ngày 29/03/2019, anh N bị Tòa án nhân dân thành phố B, tuyên phạt 05 năm tù giam, về tội Buôn bán hàng cấm nên ông H1, bà T1 liên hệ H để hỏi về việc anh N bị tù giam, thì H hướng dẫn cho bà T1 làm đơn kháng cáo lên Tòa án tỉnh Đắk Lắk để xin án treo. Ngày 20/6/2019, anh N bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt y án 05 năm tù giam, ông H1, bà T1 biết bị H lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên liên hệ H để đòi tiền thì H bỏ trốn và cắt đứt liên lạc, ông H1, bà T1 đã làm đơn trình báo gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B để xử lý.

Tại Kết luận giám định số 1081/GĐTL-PC09 ngày 14/12/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Chữ ký, chữ viết đứng tên Mai Văn H trong các tài liệu mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Mai Văn H trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, là do cùng một người ký và viết ra.

Tại Kết luận giám định số 706/KL-KTHS ngày 15/8/2023 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, kết luận:

- Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các tệp âm thanh mẫu cần giám định.

- Tiếng nói của Mai Văn H trong mẫu so sánh có trong mẫu cần giám định (ký hiệu “H” trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định).

- Tiếng nói của Trần Thị T1 trong mẫu so sánh có trong mẫu cần giám định (ký hiệu “T1” trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định).

- Tiếng nói của Trần H1 trong mẫu so sánh có trong mẫu cần giám định (ký hiệu “H1” trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định).

- Nội dung hội thoại trong tệp âm thanh mẫu cần giám định đã được dịch thành văn bản.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2024/HS-ST ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Mai Văn H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Mai Văn H: 12 (Mười hai) năm tù.

Căn cứ Điều 56 của Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt theo Bản án số 256/2020/HSST ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tuyên phạt đối với Mai Văn H 04 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Bản án này là 12 năm tù. Tổng cộng: Bị cáo Mai Văn H phải chấp hành cả hai bản án là: 16 (Mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/3/2020.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo và các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/01/2024, bị cáo Mai Văn H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Xét mức hình phạt 12 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là thoả đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm xong, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho người bị hại toàn bộ số tiền chiếm đoạt và được người bị hại viết đơn bãi nại. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới cần được áp dụng đối với bị cáo. Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt, xử phạt bị cáo Mai Văn H 10 (Mười) năm tù.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bị cáo không bào chữa, tranh luận gì, chỉ đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận:

Do ý thức coi thường pháp luật, coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác, vì mục đích tư lợi cá nhân nên Mai Văn H đã đưa ra thông tin gian dối là có khả năng xin cho anh Trần Văn N (là con trai của ông Trần H1 và bà Trần Thị T1) được hưởng án treo và tại ngoại để ông H1 và bà T1 tin tưởng đưa cho bị cáo số tiền 430.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, HĐXX thấy rằng: Mức hình phạt 12 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm xong, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho người bị hại và được người bị hại làm đơn bãi nại. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới. Vì vậy, cần chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Mai Văn H, giảm một phần hình phạt đối với bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Do được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Mai Văn H.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2024/HS-ST ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buon Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt.

[2]. Về điều luật và hình phạt:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Mai Văn H 11 (Mười một) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 05/3/2024.

[3]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hằng